

Số: /QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi
Thác Huống tỉnh Bắc Giang - Thái Nguyên**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Luật của Quốc hội; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021; số 3501/QĐ-BNN-KH ngày 14/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án sửa chữa, nâng cấp Hệ thống thủy lợi Thác Huống tỉnh Bắc Giang - Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-BTNMT ngày 07/02/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Thác Huống tỉnh Bắc Giang - Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Sông Thương tại Tờ trình số 26/TTr-NST ngày 06/02/2023 về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Thác Huống tỉnh Bắc Giang - Thái Nguyên kèm theo hồ sơ dự án, báo cáo thẩm tra và các văn bản pháp lý có liên quan;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, kèm theo Báo cáo thẩm định số 14/BC-TL-ĐTXD ngày 14/02/2023 của Cục Thủy lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Thác Huống tỉnh Bắc Giang - Thái Nguyên với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Thác Huống tỉnh Bắc Giang - Thái Nguyên.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Đảm bảo cấp nước cho khoảng 19.615ha diện tích đất canh tác và đất nuôi trồng thủy sản; góp phần cải tạo môi trường, sinh thái và phát triển các ngành kinh tế khác trong khu vực.

- Nâng mức bảo đảm phục vụ tưới của công trình từ P=75% theo thiết kế cũ lên P=85%.

5. Quy mô đầu tư

5.1. Cấp công trình:

- Đập đầu mối Thác Huống; cống lấy nước đầu mối; sông Đào và kênh chính: Cấp II.

- Kênh và các công trình trên kênh nhánh: Cấp III.

5.2. Chỉ tiêu thiết kế:

TT	Chỉ tiêu thiết kế	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Công trình cấp II		
1.1	Tần suất thiết kế	%	1,0
1.2	Tần suất kiểm tra	%	0,2
1.3	Tần suất dẫn dòng thi công	%	10
2	Công trình cấp III		
2.1	Tần suất thiết kế	%	1,5
2.2	Tần suất kiểm tra	%	0,5
2.3	Tần suất dẫn dòng thi công	%	10
3	Mức đảm bảo tưới	%	85
4	Hệ số tưới thiết kế	l/s/ha	1,32
5	Hệ số tiêu thiết kế	l/s/ha	8,62

5.3. Quy mô, thông số và giải pháp kỹ thuật:

5.3.1. Đập tràn Thác Huống:

a) Quy mô, thông số thiết kế:

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Lưu lượng lũ thiết kế qua tràn ($Q_{P=1\%}$)	m ³ /s	2.692
2	Lưu lượng lũ kiểm tra ($Q_{P=0,2\%}$)	m ³ /s	3.308
3	Mực nước lũ thiết kế thượng lưu ($P=1\%$)	m	+ 27,16
4	Mực nước lũ thiết kế hạ lưu ($P=1\%$)	m	+ 25,64
5	Mực nước lũ kiểm tra thượng lưu ($P=0,2\%$)	m	+ 28,14
6	Mực nước lũ kiểm tra hạ lưu ($P=0,2\%$)	m	+ 26,63
7	Cao trình đỉnh đập tràn	m	+ 21,13
8	Tổng chiều dài đường tràn	m	87,5
9	Cao độ đáy bể tiêu năng	m	+ 14,0
10	Chiều rộng bể tiêu năng	m	108
11	Chiều dài bể tiêu năng	m	40,0
12	Chiều dài tường hướng dòng	m	40,0
13	Chiều cao tường hướng dòng	m	1,5

b) Giải pháp thiết kế: Giữ nguyên đập tràn hiện có, sửa chữa và làm mới phần tiêu năng sau tràn và cống xả cát cụ thể như sau

- Bể tiêu năng: Làm mới lại toàn bộ bản đáy bể tiêu năng bằng BTCT M300 với chiều dày khoảng 2,0m đảm bảo ổn định bằng trọng lực; bố trí các tường hướng dòng tầm thấp bằng BTCT M300 cao 1,5m ở vị trí nối từ trụ pin đập đến tường tiêu năng hiện trạng. Xử lý nền bằng cách bóc hết tầng địa chất có kết cấu rời rạc và không đảm bảo độ chặt của các lớp địa tầng: lớp 1 (Bê tông gia cố hạ lưu đập bị phá hủy vỡ vụn thành khối tảng, chiều dày lớp từ 1,5 đến 2,2m) và lớp 2 (lớp cuội tảng, đá lẫn, đá hộc lẫn dăm mảnh, sạn sỏi kết cấu rời rạc, chiều dày lớp từ 3,2m đến 4,5m) sau đó đổ bù bằng bê tông M200 để đảm bảo ổn định nền.

- Bể tiêu năng sau tường tiêu năng: Bố trí bể tiêu năng thứ cấp bằng BTCT M300 dày từ 0,6m đến 1,0m, cao độ đáy bể + 13,1m, chiều rộng bể từ 112,60m đến 135,6m, chiều dài bể 20,0m nối tiếp vào tường tiêu năng hiện trạng và lòng sông phía hạ lưu.

- 04 cống xả cát: Giải pháp sửa chữa cống như sau: Làm mới toàn bộ kết cấu phía trước và sau cống bằng BTCT M300, thân cống lắp đặt ống thép tròn D1050 dày 12mm, phần kết cấu phía ngoài của ống thép được bơm đầy bằng BTM250, cửa van được bố trí phía trước cống và sử dụng máy đóng mở V10.

- Kè gia cố mái hạ lưu bờ phải (từ đập Thác Huống về phía hạ lưu dài 20m): Thay thế lại toàn bộ kết cấu mái kè bị hỏng bằng kè BTCT M300 dày 0,2m.

5.3.2. Nạo vét Sông Đào:

a) Quy mô, thông số thiết kế:

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	25,0
2	Chiều rộng đáy sông	m	15,5
3	Độ dốc đáy sông		0,0001

b) Giải pháp thiết kế:

- Giữ nguyên hiện trạng đoạn sông đã đủ mặt cắt rộng từ K0 ÷ K1+964; nạo vét phần đáy sông đào từ K1+964 ÷ K2+938,6 dài 806,2m (đã trừ phần cống đầu mỗi chiếm chỗ) để bảo đảm cao độ đáy từ + 17,37m đến + 17,30m và độ rộng đáy thiết kế B= 15,5m, hệ số mái m = 1,5.

5.3.3. Cống đầu mới: Xây dựng mới cống lấy nước thay thế cống 10 cửa cũ

a) Quy mô, thông số thiết kế:

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Hình thức		Cống hở
2	Số khoang		03
3	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	25,0
4	Cột nước thiết kế thượng lưu	m	+ 20,18
5	Cột nước thiết kế hạ lưu	m	+ 20,11
6	Cao trình ngưỡng cống	m	+ 17,6
7	Chiều rộng cống	m	3x4,5
8	Chiều dài cống	m	16,5
9	Chiều dài bể tiêu năng 1	m	10
10	Chiều dài bể tiêu năng 2	m	10
11	Cầu giao thông		
11.1	Tải trọng thiết kế		HL93
11.2	Chiều rộng cầu	m	10

b) Giải pháp thiết kế:

- Xây mới cống điều tiết tại lý trình K7+218 trên tuyến đê Gang Thép cắt ngang qua kênh thượng lưu của âu thuyền Đá Gân bằng BTCT M300 có cửa van điều tiết, gồm 03 khoang cống, chiều rộng thông nước mỗi khoang B=4,50m; bể tiêu năng thứ nhất ngay sau ngưỡng tại bản đáy đập, chiều sâu bể d=1,0m, chiều dài L= 10m, đáy bể tiêu năng ở cao trình +16.60m; bể tiêu năng và sân tiêu năng

thứ 2 cao trình mặt sân (đáy bể) +16.60m, chiều dài $L=10\text{m}$, chiều rộng $B=18,50\text{m} \div 21,0\text{m}$. Kết cấu bề tiêu năng và sân tiêu năng bằng bê tông cốt thép M300, phía dưới bản đáy sân có bố trí tầng lọc ngược gồm 1 lớp dăm lọc dày 15cm và 1 lớp cát lọc dày 15cm.

- Cầu giao thông: Cầu giao thông rộng 10m, cao trình mặt cầu +28.20m, tải trọng HL93, kết cấu Dầm BTCT đổ tại chỗ,

- Cửa van: Cửa van phẳng kéo đứng, cao trình đỉnh cửa van +21.00m, sử dụng thiết bị đóng mở cửa van bằng tời điện thủy lực.

- Giải pháp xử lý nền móng: Bản đáy cống bằng BTCT M300 được đặt trên nền tự nhiên.

- Gia cố thượng, hạ lưu công trình: Mái kênh thượng, hạ lưu công trình được gia cố bằng tấm lát BT M200 trong khung dầm BTCT M250, chiều dài gia cố mỗi phía là $L=50\text{m}$.

- Khu quản lý: Chỉnh trang khu quản lý công trình cũ hiện có và trang thiết bị điều khiển, phục vụ quản lý vận hành.

5.3.4. Kè lát mái những đoạn kênh chính xung yếu:

a) Quy mô:

- Kênh chính thuộc địa phận tỉnh Thái Nguyên:

+ Kè mái kênh bên trái bao gồm các đoạn: Từ K16+609 - K16+772 dài 163m, K16+979 - K17+466 dài 487m, K17+496 - K18+484 dài 988m, K21+499 - K24+814 dài 3.315m, K24+844 - K25+603 dài 759m. Tổng chiều dài gia cố 5.712m

+ Kè mái kênh bên phải bao gồm các đoạn: Từ K16+609 - K16+772 dài 163m, K17+085 - K17+466 dài 381m, K17+496 - K18+484 dài 988m, K21+499 - K22+285 dài 786m, K23+740 - K24+814 dài 1.074m, K24+844 - K25+635 dài 791m. Tổng chiều dài gia cố 4.183m.

- Kênh chính thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang: Kè gia cố 2 bên mái kênh từ điều tiết Vân Cầu K32+731 đến K35+042 dài 2.311m.

b) Giải pháp thiết kế:

- Kênh chính thuộc địa phận tỉnh Thái Nguyên: Gia cố mái kênh bằng cấu kiện bê tông M200 đúc sẵn tự chèn KT (40x40x8)cm trong khung BTCT. Nền dầm chân mái được xử lý bằng cọc tre dài 2m, mật độ 16 cọc/m² đối với các đoạn dầm chân mái kè đặt trên lớp đất yếu 2a. Mặt cắt kênh thiết kế có chiều rộng đáy $B=11\text{m}$, hệ số mái $m=1,5$.

- Kênh chính thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang: Gia cố mái kênh bằng cấu kiện bê tông M200 đúc sẵn tự chèn KT (40x40x8)cm trong khung BTCT. Nền dầm chân mái được xử lý bằng cọc tre dài 2m, mật độ 16 cọc/m² đối với các đoạn dầm chân mái kè đặt trên lớp đất yếu 2a. Mặt cắt kênh thiết kế có chiều rộng đáy $B=10\text{m}$, hệ số mái $m=1,5$.

5.3.5. Sửa chữa 09 cống tiêu luôn qua kênh chính:

Sửa chữa 09 cống tiêu luồn qua kênh chính tại các vị trí: K10+686; K12+289; K18+817; K23+230; K23+987; K25+266; K25+908; K32+926; K38+029 với giải pháp: Giữ nguyên phần thân cống, phá bỏ phần cửa vào cửa ra đã xuống cấp, hư hỏng và xây dựng lại cửa vào cửa ra bằng bê tông cốt thép M250 với kích thước và cao trình phù hợp với hiện trạng cống; xây dựng phần nối tiếp cửa vào cửa ra của cống với kênh dẫn thượng, hạ lưu bằng đá xây vữa XM M100 dày 30cm.

5.3.6. Xây dựng mới 07 cống điều tiết trên kênh Trôi, N3, N5:

a) Quy mô, thông số thiết kế:

TT	Cống điều tiết	Q (m ³ /s)	Chiều rộng đáy kênh (m)	Kích thước (m)	Cao trình đáy (m)		Mức nước thiết kế (m)	
					Thượng lưu	Hạ lưu	Thượng lưu	Hạ lưu
1	Cống đầu kênh Trôi	14,6	7	2x(2,5 x 3)m	14,50	13,10	16,73	15,33
2	Cống An Cập trên kênh Trôi	7,17	7	2x(2,2x3)m	12,50	11,34	14,54	13,24
3	Cống Quế Sơn trên kênh Trôi	5,49	5,5	2x(2,0x3)m	11,10	9,90	12,75	11,65
4	Cống đầu kênh N3	6,09	5,5	2x(1,8x3)m	12,50	11,70	14,52	13,51
5	Cống Gió Đông trên kênh N3	4,5	5,5	2x(1,8x3)m	10,90	10,90	12,50	12,47
6	Cống đầu kênh N5	3,8	4,0	2x(2,2x3)m	14,80	14,60	16,67	16,57
7	Cống Chợ Mọc trên kênh N5	0,96	3,0	(1,85x1,8)m	8,50	8,50	10,20	10,15

c) Giải pháp thiết kế:

Xây dựng mới 07 cống điều tiết, hình thức cống lộ thiên, kết cấu bằng BTCT M250, trên cống bố trí cửa van cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng máy vít điện đối với 3 cống điều tiết trên kênh Trôi và máy vít quay tay đối với 04 cống điều tiết trên kênh N3, N5.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.
- Chủ nhiệm dự án: Nguyễn Xuân Hoàng.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích bồi thường GPMB:

7.1. Địa điểm xây dựng: Tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên.

7.2. Bồi thường GPMB:

- Các hạng mục được xây dựng trên vị trí công trình cũ, trong phạm vi hành lang công trình thủy lợi nên không phải bồi thường GPMB.

- Diện tích đất sử dụng tạm thời phục vụ thi công: 6,17ha.

8. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

9. Loại, cấp công trình chính

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp công trình: Công trình cấp II - III.

10. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.

- Thiết kế cơ sở.

- Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán.

11. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

12. Tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư được duyệt tính theo mặt bằng giá tháng 7,8 năm 2022 của tỉnh Bắc Giang và Thái Nguyên là: 350.500.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi tỷ, năm trăm triệu đồng)*.

Trong đó:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí
1	Chi phí bồi thường GPMB	3.850.000.000
1	Chi phí xây dựng	244.646.045.000
2	Chi phí thiết bị	10.831.082.000
3	Chi phí quản lý dự án	4.465.740.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	28.888.250.000
5	Chi phí khác	5.676.990.000
6	Chi phí dự phòng	52.141.893.000
	Tổng cộng	350.500.000.000

(Chi tiết xem tại Phụ lục II kèm theo)

13. Thời gian thực hiện dự án: 4 năm kể từ năm khởi công.

14. Nguồn vốn đầu tư

- Vốn Ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

- Kế hoạch bố trí vốn cho dự án: 350 tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025.

15. Hình thức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

16. Lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC

a) Rà soát, bổ sung khảo sát kỹ địa hình, địa chất, tính toán ổn định, kết cấu từng hạng mục để lựa chọn được quy mô, giải pháp tối ưu, lưu ý cụ thể:

- Đập đầu mối Thác Huống:

+ Thực hiện thí nghiệm mô hình thủy lực để tối ưu phương án thiết kế bản vẽ thi công nhằm xử lý việc gây hư hỏng bề tiêu năng của đập đảm bảo an toàn và tiết kiệm kinh phí.

+ Bổ sung một số hồ khoan địa chất phía thượng lưu đập nhằm đánh giá thêm khả năng thấm qua nền đập để có giải pháp xử lý sửa chữa bề tiêu năng cho phù hợp.

+ Xem xét việc thiết kế kiến trúc, mỹ thuật cho các công trình (bề mặt bề tiêu năng, tường hướng dòng...)

- Cổng đầu mối (thay thế cổng 10 cửa): Thực hiện thí nghiệm mô hình thủy lực để kiểm tra các chỉ tiêu thủy lực của cổng khi xây dựng tại vị trí mới để tối ưu phương án thiết kế BVTC; lưu ý thiết kế kiến trúc và mỹ thuật cho giàn van cổng; nghiên cứu phương án hoành triệt cổng 10 cửa cũ và tận dụng một số khoang để đảm bảo dòng chảy môi trường trong quá trình vận hành.

- Gia cố kênh: Sử dụng tối đa các loại kết cấu đúc sẵn (kênh, dầm...), tính toán đầy đủ biện pháp thi công kênh cho phù hợp với thời gian cắt nước và khi mực nước thấp (hạn chế sử dụng biện pháp thi công bằng cừ vây lasen); đánh giá kỹ địa chất tuyến kênh xem có cần thiết gia cố nền móng dầm chân bằng cọc tre.

- Xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật chi tiết cho việc thi công lắp đặt cửa van (cổng xả cát, cổng đầu mối và các cổng điều tiết...), kiểm tra đánh giá vận hành an toàn các cửa van sau khi lắp đặt.

b) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát kỹ về khối lượng thiết kế sau thiết kế cơ sở; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; xây dựng, phê duyệt phương án đảm bảo an toàn công trình trong quá trình thi công. Lập tiến độ, biện pháp tổ chức thi công chi tiết, xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật thi công, lựa chọn biện pháp và thiết bị thi công phù hợp đảm bảo an toàn, ổn định cho các hạng mục công trình.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

- Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương làm Chủ đầu tư các hạng mục xây dựng thuộc dự án và tổ chức thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên: Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện dự án; tổ chức thực hiện giải

phóng mặt bằng đảm bảo đáp ứng tiến độ thực hiện dự án. Chỉ đạo việc nhận bàn giao công trình hoàn thành để quản lý, khai thác theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thuỷ lợi, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thuỷ lợi Nam Sông Thương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang;
- Sở NN&PTNT tỉnh Bắc Giang;
- Sở NN&PTNT tỉnh Thái Nguyên;
- Công ty TNHH MTV KTCTTL
Nam Sông Thương;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TL. (20b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp